

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST

Ngày 27/7/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Hg Đăng Đán và ông Hg Công Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường, Thẩm tra viên Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Ông Phùng Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 84/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 7, ấp SL, xã TL, huyện XM, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Kim L, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn XL, xã XL, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các bản khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị B trình bày:

Chị chung sống với anh Nguyễn Kim L từ năm 2000, đến ngày 26/3/2003 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có tìm hiểu nhau. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc với nhau tại Tân Châu, Tây Ninh.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2011 vì vợ chồng bất đồng quan điểm, anh L nghiện rượu, thường xuyên đánh đập vợ con, không chịu khó làm ăn. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng không Th. Khi vợ chồng mâu thuẫn gia đình nhà chồng chị có khuyên can, hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Năm 2014 vợ chồng đã sống ly thân. Khi ly thân chị sống ở Bà Rịa – Vũng Tàu, anh L về ở với bố mẹ đẻ tại thôn XL, xã XL. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không L lạc với nhau. Do tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên chị xin ly hôn anh L.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Kim H, sinh ngày 07/3/2001 và Nguyễn Kim Th, sinh ngày 04/6/2007. Cháu H đã trưởng Th và đi làm nên không đề nghị tòa án giải quyết, cháu Th còn nhỏ và ở với chị từ khi ly thân đến nay. Chị xin tiếp tục nuôi cháu Th, không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung không có nên chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Kim L vắng mặt tại các buổi làm việc mà tòa án triệu tập. Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bị đơn. Anh L xác định vợ chồng kết hôn năm 2001 theo quy định của pháp luật tại UBND xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc tại ấp Vạc Xa, xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Theo anh, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vợ chồng vẫn còn khả năng chung sống với nhau. Năm 2009, vợ chồng cùng về xã XL sinh sống. Năm 2015 thì chị B mang con vào sinh sống tại ấp SL, xã TL, huyện XM, Bà Rịa – Vũng Tàu và sống ly thân đến nay. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên anh không đồng ý ly hôn nhưng anh chưa có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ.

Con chung: Anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Kim H, sinh ngày 07/3/2001 và Nguyễn Kim Th, sinh ngày 04/6/2007. Hai cháu sống với chị B nên để chị B tiếp tục nuôi dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung không đề nghị tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tiến hành lấy lời khai của mẹ đẻ anh Nguyễn Kim L là bà Hoàng Thị H xác định chị B và anh L kết hôn đúng quy định của pháp luật. Mâu thuẫn giữa chị B và anh L phát sinh vì bất đồng trong cuộc sống, hay cãi vã lẫn nhau. Chị B và anh L đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay.

Qua xác minh trưởng thôn XL xác định chị B và anh L có đăng ký kết hôn năm 2003. Sau khi kết hôn đến năm 2005 thì chị B và anh L về sinh sống tại đội 2, thôn XL, xã XL. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Năm 2012 chị B, anh L phát sinh mâu thuẫn do không hòa hợp, năm 2014 thì sống ly thân đến nay.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng anh L vắng mặt nên không hòa giải Th.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thủ/m phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Kim L.

- Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Kim Th, sinh ngày 04/6/2007 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn hiện có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã XL, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Kim L vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh L theo quy định của pháp luật. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B và anh Nguyễn Kim L kết hôn ngày 26/3/2003, được UBND xã Tân Hà, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa anh và chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Chị B xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Vợ chồng đã sống ly thân gần 10 năm nay. Anh L xác định vợ chồng có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2015 nhưng anh không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ, bản thân anh không đưa ra được bất kỳ phương án nào để vợ chồng đoàn tụ mà chỉ có lời trình bày. Tòa án đã triệu tập hòa giải nhưng anh L vắng mặt. Gia đình anh L cũng xác định chị B, anh L có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị B và anh L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, thời gian sống ly thân đã lâu nên cần xử cho chị B được ly hôn anh L.

Con chung: Chị B và anh L có 02 con chung là Nguyễn Kim H, sinh ngày 07/3/2001 và Nguyễn Kim Th, sinh ngày 04/6/2007. Hiện các cháu đều khỏe mạnh. Cháu H đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng, cấp dưỡng không đặt ra. Cháu Th chưa đủ 18 tuổi, sống với chị B từ khi anh chị ly thân đến nay. Chị B có nguyện vọng tiếp tục nuôi con. Cháu Th có nguyện vọng ở với mẹ và anh L cũng

đồng ý để chị B nuôi con. Do vậy giao cháu Th cho chị B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: các đương sự không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Nguyễn Kim L

- Con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Kim Th, sinh ngày 04/6/2007 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục. Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: không xem xét giải quyết

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2021/0007190 ngày 01/6/2023, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Hà, Tân Châu, Tây Ninh
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Vũ Thị Minh Nguyệt**

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

